

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-02-2021

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA- TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí

Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2069/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 319/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị L, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 35/9A6, tổ 3, khu phố 4, hẻm 35/9, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú hiện nay: Ấp H 1, xã A, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số 35/9A6, tổ 3, khu phố 4, hẻm 35/9, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Phương vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ - Nguyên đơn bà Dương Thị L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Phương tự nguyện chung sống với nhau năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, từ năm 2018 thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có

tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống quá nhiều, ông bà đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Bà L nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phương.

- Về con chung: Bà L và ông P có 01 con chung là Nguyễn Dương V, sinh ngày 09/01/2015. Khi ly hôn, bà L xin nhận nuôi cháu V, tạm thời không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Ông Nguyễn Hoàng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.**

### **Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:**

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết, Tòa án đã xác định đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn chấp hành không đúng. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Dương Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng P.

- Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông P có 01 con chung là Nguyễn Dương V, sinh ngày 09/01/2015. Khi ly hôn, giao cho bà L nuôi dưỡng cháu V, tạm thời ông P không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà L khai, bà và ông P tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông P về tài sản chung và nợ chung nên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Về án phí: Bà Dương Thị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Dương Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Hoàng P; Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà L là nguyên đơn, ông P là bị đơn trong vụ án.

- Theo Biên bản xác minh ngày 02/12/2020 tại Công an phường A thì hiện nay ông Nguyễn Hoàng P có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại địa chỉ số 35/9A6, tổ 3, khu phố 4, hẻm 35/9, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 22/01/2021, bà Dương Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án nhân dân thành phố B tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là ông Nguyễn Hoàng P để tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông P vắng mặt không có lý do. Vì vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà L và ông P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông P chung sống với nhau năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, từ năm 2018 thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống quá nhiều, ông bà đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét yêu cầu ly hôn của bà L là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng theo biên bản xác minh ngày 02/12/2020 tại Ủy ban nhân dân phường A, Sở tạm trú cấp ngày 16/8/2020 của bà L tại Công an xã A, huyện C, tỉnh Kiên Giang thể hiện, bà L và ông P đã không còn chung sống với nhau. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập ông Phương để hòa giải đoàn tụ nhưng ông P đều vắng mặt không lý do, không có động thái tích cực để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Như vậy, thể hiện việc mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà L và ông P là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn chung sống, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông P.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông P có 01 con chung là Nguyễn Dương V, sinh ngày 09/01/2015. Khi ly hôn, bà L xin được nuôi dưỡng cháu V, tạm thời không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu V do bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng, tuổi cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc, dạy bảo của người mẹ. Vì vậy, yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V của bà L là có căn cứ chấp nhận. Tạm thời ông P không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu. Ông P được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà L khai, bà và ông P tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông P về tài sản chung và nợ chung nên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Dương Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia

đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9, Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 19, 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị L, bà Dương Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng P.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông P có 01 con chung là Nguyễn Dương V, sinh ngày 09/01/2015. Ly hôn, giao cho bà L được nuôi cháu V, tạm thời ông P không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu. Ông P được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà L khai, bà và ông P tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông P về tài sản chung và nợ chung nên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Dương Thị L phải nộp 300.000đồng án phí, được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006888 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà L đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Dương Thị L và ông Nguyễn Hoàng P vắng mặt nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND TP. B;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND phường T;
- Lưu.

**Nguyễn Thị Hoàng Phương**

